

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 15/11/2020**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thế Anh	Nam	26/09/1980	Nghệ An	7.3	7.0	378/QĐ267	1141033	
2	Lương Thị Bích	Nữ	29/01/1992	Nghệ An	6.3	6.0	379/QĐ267	1141034	
3	Nguyễn Khắc Đức	Nam	29/01/1999	Nghệ An	6.7	6.0	380/QĐ267	1141035	
4	Hoàng Thị Dung	Nữ	29/12/1983	Nghệ An	6.3	7.5	381/QĐ267	1141036	
5	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	26/08/1989	Nghệ An	6.7	7.0	382/QĐ267	1141037	
6	Trần Thị Hạnh	Nữ	20/02/1984	Nghệ An	6.3	7.0	383/QĐ267	1141038	
7	Võ Thị Hạnh	Nữ	07/03/1983	Hà Tĩnh	6.3	5.0	384/QĐ267	1141039	
8	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	26/11/1990	Hà Tĩnh	6.3	6.5	385/QĐ267	1141040	
9	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	01/09/1990	Nghệ An	6.3	7.0	386/QĐ267	1141041	
10	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Nữ	13/01/1984	Hà Tĩnh	6.3	6.0	387/QĐ267	1141042	
11	Vũ Thị Hoài	Nữ	01/04/1996	Nghệ An	6.7	7.5	388/QĐ267	1141043	
12	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	01/01/1999	Nghệ An	6.3	6.0	389/QĐ267	1141044	
13	Đậu Quốc Hoàn	Nam	05/01/1985	Nghệ An	6.3	6.5	390/QĐ267	1141045	
14	Lê Thị Huế	Nữ	07/07/1991	Nghệ An	5.7	5.0	391/QĐ267	1141046	
15	Trần Thị Huệ	Nữ	25/06/1984	Nghệ An	6.3	8.0	392/QĐ267	1141047	
16	Nguyễn Văn Hùng	Nam	18/08/1967	Nghệ An	6.0	5.0	393/QĐ267	1141048	
17	Nguyễn Vinh Hưng	Nam	10/07/1980	Nghệ An	6.3	5.5	394/QĐ267	1141049	
18	Lô Kim Khuyên	Nam	16/05/1994	Nghệ An	5.7	8.0	395/QĐ267	1141050	
19	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	02/06/1989	Nghệ An	6.3	9.0	396/QĐ267	1141051	
20	Trần Thương Thùy Linh	Nữ	05/07/1991	Nghệ An	6.3	7.0	397/QĐ267	1141052	
21	Lưu Thị Lê Na	Nữ	12/10/1996	Nghệ An	5.7	6.5	398/QĐ267	1141053	
22	Nguyễn Văn Ngũ	Nam	29/09/1969	Nghệ An	5.7	6.5	399/QĐ267	1141054	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
23	Hồ Thị Minh Nguyệt	Nữ	02/11/1992	Nghệ An	7.0	8.0	400/QĐ267	1141055	
24	Lương Thế Nhi	Nam	09/08/1976	Nghệ An	6.3	6.0	401/QĐ267	1141056	
25	Lê Thị Nhung	Nữ	18/11/1975	Nghệ An	6.0	7.0	402/QĐ267	1141057	
26	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/07/1990	Nghệ An	6.7	8.0	403/QĐ267	1141058	
27	Hoàng Thị Thắm	Nữ	10/04/1988	Nghệ An	6.3	7.5	404/QĐ267	1141059	
28	Vũ Thị Thành	Nữ	19/05/1988	Nghệ An	6.7	6.5	405/QĐ267	1141060	
29	Tạ Thị Thìn	Nữ	16/04/1988	Nghệ An	6.3	7.0	406/QĐ267	1141061	
30	Lương Thị Thọ	Nữ	20/02/1980	Hà Tĩnh	6.3	6.0	407/QĐ267	1141062	
31	Trịnh Thị Kim Thoa	Nữ	17/11/1984	Hà Tĩnh	7.0	7.0	408/QĐ267	1141063	
32	Nguyễn Hà Thu	Nữ	26/05/1993	Nghệ An	5.7	7.0	409/QĐ267	1141064	
33	Phạm Thị Thanh Trà	Nữ	28/06/1987	Hà Tĩnh	6.3	6.0	410/QĐ267	1141065	
34	Nguyễn Hà Trung	Nam	20/05/1970	Nghệ An	5.7	5.0	411/QĐ267	1141066	
35	Đặng Ngọc Tú	Nam	16/06/1981	Nghệ An	6.0	5.0	412/QĐ267	1141067	
36	Lê Thị Vân	Nữ	30/04/1978	Nghệ An	5.7	5.0	413/QĐ267	1141068	
37	Cao Thị Vinh	Nữ	10/08/1995	Nghệ An	6.7	7.0	414/QĐ267	1141069	
38	Bùi Thị Hồng Vui	Nữ	20/10/1988	Thanh Hóa	6.7	8.5	415/QĐ267	1141070	
39	Trần Đình Vượng	Nam	10/12/1966	Nghệ An	6.3	5.5	416/QĐ267	1141071	

